

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NGOÀI QUỐC DOANH

TS. Nguyễn Đắc Tâm

Tham luận tại Hội thảo khoa học chuyên đề do Viện nghiên cứu phát triển Phương Đông tổ chức

Hội thảo Khoa học chuyên đề “Giải pháp phát triển Doanh nghiệp ngoài quốc doanh” là một cơ hội để trao đổi ý kiến và là dịp để nối vòng tay lớn với nhiều bậc thức giả trong và ngoài thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn là nhà giáo và nhà quản lý giáo dục đại học, trong tinh thần Hội thảo Khoa học, tôi xin tham gia một vài ý kiến làm tiền đề để các nhà khoa học nghiên cứu và mong các doanh nghiệp sẽ phát huy phần thụ hưởng của mình.

1. TÌNH HÌNH CHUNG:

- Trong Kinh tế học, ba yếu tố cơ bản để hình thành một doanh nghiệp là: Vốn (Capital), Đất đai (Land) và Con người (Labor). Đối với Doanh nghiệp ngoài quốc doanh(DNNQD), cả 3 yếu tố trên đều yếu và thiếu. Trong khi đó, Doanh nghiệp nhà nước (DNNN) thì hoàn toàn ngược lại.

- Thực tế cho thấy, mặc dù phải đương đầu với nhiều cản trở và kỳ thị, khu vực kinh tế tư nhân vẫn chiếm tỷ trọng GDP cao hơn khu vực quốc doanh: Năm 2000, tỷ trọng đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân là 42,3% GDP so với 39% của khu vực doanh nghiệp quốc doanh.

- Về đầu tư vốn, từ năm 2001 trở đi, nhà nước phải bỏ ra tới

5 đồng đầu tư mới được 1 đồng tăng trưởng. Như vậy nhà nước đầu tư trong khu vực doanh nghiệp nhà nước có tăng nhanh nhưng hiệu quả kém do làm ăn thua lỗ, lời giả lỗ thật hoặc hòa vốn. Theo Bộ tài chính, tổng số nợ mà nhà nước phải trả của doanh nghiệp nhà nước chiếm tối thiểu từ 70% GDP trở lên. Hiệu quả sử dụng đồng vốn của doanh nghiệp nhà nước như thế là quá thấp, kéo theo tình trạng khát vốn, dẫn đến cơ sở lãi suất, làm cho ngân hàng tranh nhau tăng lãi suất huy động, gây bất ổn trong nền kinh tế. Trong khi đó, đầu tư tư nhân bao giờ cũng hiệu quả hơn vì đồng tiền đầu tư được xuất ra từ chính túi tiền của chủ doanh nghiệp. Họ tham gia quản lý bằng mọi cách để làm sao cho đồng tiền đó được quay nhiều vòng, tạo hiệu quả cao nhất.

2. NHẬN ĐỊNH:

- Kể từ thời điểm Việt Nam ký Nghị định thư gia nhập WTO vào ngày 07.11.2006, người ta đã đưa ra nhiều phân tích và đánh giá về các cơ hội và thách thức từ nhiều góc độ khác nhau khi Việt Nam chính thức là thành viên thứ 151 của tổ chức này.

- Gia nhập WTO đồng nghĩa với việc Việt Nam cam kết thực hiện các nghĩa vụ thành viên của mình, không chỉ cam kết về thuế quan, các ràng

buộc pháp lý về tự do thương mại và kinh doanh mà còn về những vấn đề mang tính thể chế để thực thi các nghĩa vụ thành viên của tổ chức.

- Các quy định của WTO sẽ giúp tạo thế cân bằng trong sân chơi cho các doanh nghiệp. Do đó, doanh nghiệp ngoài quốc doanh sẽ có nhiều cơ hội hơn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Chuyên đề hội thảo khoa học: “Giải pháp phát triển doanh nghiệp ngoài quốc doanh” là một đề tài thú vị, bổ ích cho khu vực kinh tế tư nhân trong giai đoạn “Công nghiệp hóa” và “Hiện đại hóa” đất nước.

3. THÁCH THỨC VÀ CƠ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP NGOÀI QUỐC DOANH

3.1. THÁCH THỨC:

Nhìn chung các thách thức sau đây vẫn đã và đang tồn tại:

- Đa đa số doanh nghiệp ngoài quốc doanh là doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) nên khó có thể hoàn thành được các nhiệm vụ cấp thiết được WTO đưa ra đối với giới doanh nghiệp:

Phải hiểu được sự tác động của việc gia nhập đối với hoạt động kinh doanh, vì hoạt động kinh doanh cần có sự hỗ trợ to lớn trong việc lựa chọn và thu thập khối lượng lớn thông tin mới (phải xây dựng tổ chức kinh doanh mới và theo khối và phải có đủ khả năng thông báo cho các thành viên của mình về sự tác động và các diễn biến thương mại khác có liên quan tới lợi ích cụ thể của các

thành viên).

- (1) Có những điều chỉnh cần thiết đối với những thách thức nảy sinh do việc cạnh tranh ngày càng gia tăng.
- (2) Nâng cao khả năng sản xuất để tận dụng các điều kiện tiếp cận thị trường (ví dụ thị trường Hoa Kỳ và thị trường EU v.v.).
- (3) Tăng cường các mối quan hệ giữa chính phủ - giới doanh nghiệp với mục tiêu là nắm thông tin sớm nhất về các diễn biến trong WTO...

- Thường xuyên gặp khó khăn trong phân biệt đối xử giữa doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp ngoài quốc doanh, thiếu bình đẳng trong sân chơi và hiếm khi thụ hưởng chính sách ưu đãi của nhà nước.

- Hành lang pháp lý và môi trường kinh doanh vẫn chưa đáp ứng được xu thế phát triển nhanh và đa dạng của các doanh nghiệp.

- Tiếp cận nguồn vốn trung và dài hạn là cực kỳ khó khăn; đất đai để doanh nghiệp mở rộng sản xuất kinh doanh hầu như bế tắc.

- Công nghệ và máy móc thiết bị đang sử dụng khá lạc hậu, khó có khả năng cạnh tranh được trong thời kỳ hội nhập.

- Lực lượng lao động yếu về chuyên môn và thiếu so với nhu cầu vì thường các doanh nghiệp này thu hút nguồn nhân lực không ổn định.

- Khả năng tiếp xúc thương mại, tiếp cận thị trường và thông tin trong, ngoài nước còn hạn chế.

- Mạng lưới sản xuất và phân

phối sản phẩm chưa đồng bộ vì doanh nghiệp còn ở qui mô nhỏ.

- Chưa quen và thiếu tự tin trong xuất nhập khẩu theo tập quán và thông lệ quốc tế.

3.2. CƠ HỘI:

Thời kỳ tiền và hậu WTO là cơ hội tốt nhất đối với giới doanh nghiệp nói chung và đặc biệt là đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh – Chúng ta có thể điểm qua một số cơ hội cơ bản sau đây:

- * Sự hình thành các Hiệp hội nghề nghiệp mới đây có thể giúp bảo vệ được nhiều quyền lợi cho các doanh nghiệp (Hiệp hội Dệt may, Hiệp hội Da giày, Hiệp hội Thủy hải sản, Hiệp hội Du lịch v.v.)

- * Sự bãi bỏ hạn chế kim ngạch xuất nhập khẩu cũng tạo nên sự bình đẳng trong sân chơi giữa doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp ngoài quốc doanh.

- * Các doanh nghiệp nhà nước đã và đang đẩy nhanh thực hiện cổ phần hóa, gián tiếp tạo điều kiện về thời gian cho các doanh nghiệp ngoài quốc doanh tăng tốc. Hy vọng đến một lúc nào đó cả nước sẽ không còn phân biệt giữa quản lý nhà nước và quản lý tư nhân trong giới doanh nghiệp và sự độc quyền cũng dần triệt tiêu để mọi thành phần kinh tế được bình đẳng trong cùng sân chơi.

- * Chính phủ Việt Nam đã nhìn thấy sự thiếu nỗ lực to lớn trong tiếp thị quốc tế nhằm quảng bá cho hình ảnh đất nước. Chắc chắn trong tương lai sẽ có nhiều đoàn ra nước

ngoài để tiếp xúc thương mại và tiếp thị cho các doanh nghiệp trong nước. Hiện nay một số đại sứ cũng đang làm tốt công tác này.

- * Nhà nước đang khẩn trương xây dựng hệ thống pháp luật tương thích với luật chơi của thế giới, mở rộng các lãnh vực kinh tế dịch vụ để thu hút đầu tư, nâng cao xuất khẩu. Mặt khác, nhà nước cũng đang kiện toàn hành lang pháp lý để tiến đến không còn tình trạng “Dân chờ Luật, Luật chờ Nghị định và Nghị định chờ Bộ, Ngành.”

- * Doanh nghiệp ngoài quốc doanh sở hữu thị trường hẹp, nên dễ tận dụng cơ hội một cách linh hoạt để ổn định và phát triển.

- * Đa đa số doanh nghiệp ngoài quốc doanh của ta đều là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Nhật Bản đã thành công trong khai thác loại doanh nghiệp này và họ đã khuyến khích ta phát triển nó, cũng như chuyển giao công nghệ quản lý chất lượng loại hình doanh nghiệp này cho chúng ta. May mắn thay là nhà nước cũng đã xác định tầm mức quan trọng của loại doanh nghiệp vừa và nhỏ này; đồng thời đã ban hành nhiều chính sách khuyến khích để phát huy cao nhất hiệu quả của nó trong khai thác cơ hội của hội nhập quốc tế.

- * Trong điều kiện nền kinh tế nước ta có nhiều thành phần, vấn đề xác định chủ sở hữu doanh nghiệp không đơn giản. Chủ sở hữu doanh nghiệp ngoài quốc doanh là các thể nhân. Họ là những người có tiền, có quyền, có tư cách để tự tay giải quyết và quyết định tất cả các vấn đề của doanh nghiệp. Còn chủ sở hữu

doanh nghiệp nhà nước lại không được như vậy. Đây cũng là cơ hội “vàng” đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh, nhất là trong thời đại thông tin, mọi quyết định phải thực hiện trong tích tắc.

- * Doanh nghiệp càng lớn thì vai trò dự báo của doanh nghiệp càng quan trọng. Mọi kế hoạch đều dựa trên dự báo. Nếu dự báo thiếu chính xác, doanh nghiệp có thể đi đến phá sản hoặc gặp thảm họa về tài chính. Đây cũng là điểm thuận lợi của doanh nghiệp ngoài quốc doanh vì qui mô của loại doanh nghiệp này không lớn.

- * Đồng hành với chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2001-2010, chính phủ đang xây dựng chế độ công vụ để tìm được điểm chung giữa cải cách hành chính và chống tham nhũng. Được như vậy, người dân và doanh nghiệp sẽ bớt nói: “hành dân là chính”.

4. GIẢI PHÁP:

Chúng ta đang ở vào thời đại kinh tế tri thức với công nghệ thông tin tiến nhanh như vũ bão. Ai nắm được nhiều thông tin chính xác và sớm, người đó sẽ chiếm ưu thế. Nói như vậy để thấy rằng “thế giới ngày nay như một ngôi làng nhỏ”, hoặc nói một cách khác “loài người đang cùng nhau chung sống dưới mái nhà vũ trụ”. Thật thế, ngày nay hàng tỷ người trên tinh cầu đang xích lại gần nhau để làm ăn và cùng chia sẻ với nhau những lợi ích trong hội nhập. Do đó, bất cứ giải pháp nào tập trung cụ thể vào chiến thuật, thiếu tính chiến lược sẽ trở nên khó khả

thi. Nhân đây, tôi muốn nêu một số giải pháp căn cứ trên nền tảng vĩ mô và vi mô của nền kinh tế nước ta như sau:

4.1.Ở tầm vĩ mô (Macro Economics)

- + Đòi hỏi nhà nước phải có chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực phù hợp với nhu cầu xã hội trong giai đoạn hội nhập và phát triển. Tránh tình trạng nguồn nhân lực như hiện nay: thừa vẫn thừa, thiếu vẫn thiếu ở hầu hết mọi cơ quan, doanh nghiệp trong nước. Cần có giải pháp rất ráo của các ngành, các cấp, các trường, các doanh nghiệp để đầu tư thích đáng và lâu dài.

- + Nỗ lực tiếp thị và quảng bá cho đất nước để sản phẩm của Việt Nam tràn ngập trên thị trường thế giới như Trung Quốc và Thái Lan... Mặt khác, thu hút dòng chảy FDI vào Việt Nam nhiều hơn.

- + Xây dựng hệ thống pháp luật và chế độ công vụ hoàn thiện để chấm dứt tình trạng cán bộ, công chức hành dân, hành doanh nghiệp.v.v..

- + Triệt để cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước để đạt mục tiêu cuối cùng là nâng cao hiệu quả hoạt động và khả năng cạnh tranh trong hội nhập quốc tế để thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân cùng tham gia cạnh tranh lành mạnh với mình.

- + Cần có một luật sửa đổi nhiều luật, nó sẽ khắc phục được những mặt còn hạn chế của việc sửa đổi từng luật cụ thể như hiện nay.

- + Bổ sung khiếm khuyết trong luật doanh nghiệp thống nhất. Mặc

dù luật này đã góp phần xóa bỏ sự phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế, song vẫn còn một số khiếm khuyết cần sửa đổi như: Một số quyền và nghĩa vụ của từng loại hình doanh nghiệp lại được điều chỉnh bởi các luật chuyên ngành (luật đầu tư, luật thuế, luật đất đai, luật lao động...). Cho nên dù có luật doanh nghiệp thống nhất, nhưng nếu trong các luật chuyên ngành vẫn còn những qui định khác nhau đối với từng thành phần kinh tế thì vẫn chưa thể tạo được môi trường pháp lý bình đẳng.

Tương tự như vậy, về vấn đề chủ sở hữu doanh nghiệp nhà nước, tuy đã có luật doanh nghiệp thống nhất vẫn cần có luật doanh nghiệp nhà nước để xác định thêm vai trò chủ sở hữu.

+ Cần nghiên cứu các giải pháp đi tắt đón đầu và có những chính sách đãi ngộ thích đáng mời gọi chất xám từ bên trong và bên ngoài nước cùng góp tay xây dựng và phát triển đất nước.

+ Tiếp tục cho phép phát hành trái phiếu quốc tế hoặc bảo lãnh phát hành vay nợ một cách bình đẳng theo nguyên tắc tự vay, tự trả và tự chịu trách nhiệm.

+ Tiếp tục phát huy tư duy kiểm soát vốn theo kiểu “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”. Nghĩa là tự do hóa vốn có kiểm soát (controlled capital liberalization), chứ không kiểm soát vốn thuần túy (capital control) như trước đây.

+ Tiếp tục cho phép các doanh nghiệp thuộc bất kỳ thành phần kinh

tế nào cũng được tiếp cận với thị trường vốn quốc tế trên cơ sở tiên quyết là có đề án khả thi.

+ Đổi mới lập pháp để hội nhập bằng cách xây dựng pháp luật ở trong nước sao cho có thể nối kết được với bên ngoài, tránh phần thua thiệt cho doanh nghiệp trong nước. Đồng thời xây dựng pháp luật có tính nhất quán và ổn định của pháp luật Việt Nam để giới đầu tư nước ngoài không còn than phiền như hiện nay.

+ Phát huy và bắt buộc kiểm toán nội bộ trong các doanh nghiệp để phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp được tốt hơn.

4.2. Ở tầm vi mô (Micro Economics):

4.2.1 Đối với doanh nhân:

+ Doanh nghiệp ngoài quốc doanh phải xác định tính tự chủ và tự thân vận động, xác định sứ mệnh (mission) và tầm nhìn (vision) của doanh nghiệp mình trong từng giai đoạn.

+ Các phương châm hành động đề nghị:

* “3 PHẢI” của Dale Carnegie: “PHẢI TRƯỚC, PHẢI DÁM, PHẢI KHÁC BIỆT” (MUST BE FIRST, MUST BE DARING, MUST BE DIFFERENT)

* “SUY NGHĨ TOÀN CẦU, NHƯNG THỰC HIỆN ĐỊA PHƯƠNG” “THINK GLOBALLY, ACT LOCALLY” (John Lenon)

* “Hãy làm mọi thứ thật tốt hơn trong ngày làm việc hôm nay” Michael S.Dell (Giám đốc công ty Dell computer corporation).

* “Pour your heart” Howard

Schulz (Starbucks coffee)

* “Chất lượng hay là chết”.

+ Xây dựng văn hóa công ty hay triết lý kinh doanh cho doanh nghiệp (chữ Tín, Đạo đức, Minh bạch, Trung thực, Hữu lợi, Sáng tạo...).

+ Dám chấp nhận cải cách để phát triển dù có mất mát (Học kinh nghiệm của các đại công ty Hàn Quốc sau sự sụp đổ hệ thống CHAEBOL: Hyundai Motor, Samsung Electronics, LG Electronics)

+ Doanh nhân phải biết sống chung với “Stress”: Biết chia công việc ra nhiều công đoạn để thư giãn, làm mới...

+ Tất cả cho sức mạnh của thương hiệu đồng nghĩa với đảm bảo chất lượng.

+ Nghiên cứu tìm các giải pháp quản trị rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh (Quản lý rủi ro về luật pháp, về đối tác kinh doanh, về thị trường, về các hoạt động sản xuất kinh doanh, v.v.)

+ Thực hiện nghệ thuật dùng người: Không nhìn vào sở đoản của người để chê mà tìm sở trường của người để dùng, tìm cơ hội để phát huy tác dụng của họ (Dùng nhân như dụng mộc).

+ Làm công tác nhân sự công khai, công bằng để giữ đoàn kết và ổn định trong tổ chức.

4.2.2. Đối với doanh nghiệp:

+ Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực tinh thông về kỹ năng và nghiệp vụ,

đạt hiệu quả trong thực hiện.

+ Đa dạng hóa sản phẩm trong điều kiện cho phép.

+ Đầu tư công nghệ mới phù hợp để tăng khả năng cạnh tranh.

+ Tránh cạnh tranh với các tập đoàn lớn.

+ Tranh thủ các hiệp hội nghề nghiệp để được bảo vệ quyền lợi và phát huy lợi thế cạnh tranh trong hội nhập quốc tế hiện nay.

+ Nên xây dựng kế hoạch chiến lược kinh doanh trung hoặc ngắn hạn.

+ Kế hoạch hành động của doanh nghiệp phải đồng bộ với kế hoạch chiến lược từng thời kỳ.

+ Ứng dụng các tiêu chuẩn chất lượng của Nhật Bản trong quản lý doanh nghiệp vừa và nhỏ (Kaizen, 5S...).

+ Tái cấu trúc doanh nghiệp khi cần thiết để phát triển.

+ Chú ý đặc biệt đến nguồn nhân lực và đầu ra của sản phẩm. Nên nhớ nguồn lực con người là yếu tố quyết định.

+ Triệt để khai thác các chính sách và cơ chế của nhà nước như: Tiếp cận với nguồn vốn, đất đai, lao động, công nghệ mới, thông tin, thị trường tài chính, thị trường xuất nhập khẩu, bảo hiểm xuất khẩu...

+ Tìm hiểu thị trường phù hợp với khả năng và qui mô của mình.

+ Chú ý khai thác các mặt dịch vụ và tích cực phục vụ cộng đồng qua các hình thức từ thiện.

5. KẾT LUẬN:

Nói đến kinh doanh là nói đến hữu lợi (profit). Nhưng mục tiêu đạt đến hữu lợi không cho phép doanh nghiệp làm bằng mọi cách và bằng mọi giá. Chắc có lẽ vì vậy mà trong Quản trị học có thêm khái niệm “Đạo đức trong Kinh doanh”.

Với những giải pháp nêu trên, nếu được triệt để áp dụng, tôi hy vọng rằng các doanh nghiệp sẽ có thêm nhiều thành công. Bởi nếu không thành công, lấy gì để có thể “cho” những con người bất hạnh hơn chúng ta?

Tôi ước ao sự thành công của quý vị sẽ đi theo con đường của ông bà Bill Gates: có thành công để làm thiện nguyện và để có cơ hội “cho”

và “nhận” được nhiều hơn. Tôi thật sự kính phục Bill Gates, nhà kinh doanh tài ba và giàu nhất hành tinh. Ông đã cùng vợ, bà Melinda Gates đã bỏ ra 29 tỷ USD làm từ thiện “nhanh hơn bất cứ ai”, đã thành lập tổ chức Bill và Melinda Gates (B&MGF) từ năm 2000 và đã cứu ít nhất 700.000 người bằng chương trình tiêm chủng Vaccin. Họ thật xứng đáng để chúng ta tôn vinh và noi theo cả về tài năng kinh doanh xuất chúng lẫn đạo đức trong kinh doanh.

Điều này lại một nữa xác định tính logic trong kinh doanh ở thời đại kinh tế tri thức với 3 đồng hành : Kinh tế, Môi trường và Cộng đồng xã hội. Đó là bài học quý giá mà doanh nhân và doanh nghiệp Việt Nam phải hướng tới trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

TS. Nguyễn Đắc Tâm

Phó Chủ tịch HĐQT

Phó Hiệu trưởng Trường ĐHDL Văn Lang

Nguồn (Sources):

- Tạp chí: Thời báo Kinh tế Sài Gòn, Tuổi trẻ cuối tuần, Tuổi trẻ Chủ nhật, Khoa học ngày nay, Sài Gòn Thứ Bảy, Thông tin Khoa học và Kỹ thuật.

- Tài liệu: Hội thảo các cam kết WTO do MUTRAP và Hội Luật gia Việt Nam đồng tổ chức.

HIỆN TRẠNG TỒN TRỮ, THU GOM VÀ VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP VÀ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP NGUY HẠI TRÊN ĐỊA BÀN TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyên nhân và Giải pháp

*TS. Trần Thị Mỹ Diệu
ThS. Nguyễn Ngọc Châu*

GIỚI THIỆU CHUNG

Với các chính sách phù hợp, kinh tế - xã hội, thành phố Hồ Chí Minh đã đạt được các thành tựu đáng kể, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) liên tục tăng qua các năm (1998: 8,2%; 2002: 10,2%; 2003: 11,4% và 2005: 12,2%). Để đạt được điều này không thể không kể đến sự đóng góp rất lớn của công nghiệp, tỷ trọng đóng góp vào nguồn thu ngân sách của thành phố từ công nghiệp đã tăng từ 46,2 % (2001) đến 48,1% (2005). Không ai có thể phủ nhận rằng phát triển công nghiệp là nhân tố không thể thiếu trong chiến lược phát triển của thành phố.

Mặc dù có những đóng góp đáng kể về mặt kinh tế, hoạt động công nghiệp hiện nay đi kèm với các nguy cơ suy thoái môi trường do chất thải công nghiệp gây ra. Với hơn 800 nhà máy lớn, 10.000-15.000 cơ sở sản xuất vừa và nhỏ, 30 cụm công nghiệp và hơn 900 nhà máy đang hoạt động trong 11 KCN, 03 KCX, 01 khu công nghệ cao, hàng ngày ngành công nghiệp của thành phố thải vào môi trường một lượng lớn chất thải công nghiệp. Với sự hoàn thiện dần của hệ thống luật pháp, kết hợp với các cải cách và chính sách hợp lý,

thành phố đã từng bước đạt được một số thành công nhất định trong việc quản lý khí thải và nước thải. Tuy nhiên, đối với chất thải rắn công nghiệp (CTRCN) - chất thải nguy hại (CTNH) mặc dù đã có những bước tiếp cận nhưng cho đến nay, lĩnh vực này hầu như vẫn còn bỏ ngỏ. CTRCN-CTNH phát sinh tại các cơ sở sản xuất (CSSX) hầu như không được kiểm soát, việc phân loại - tồn trữ tại nguồn (đây là một quy trình quan trọng trong hệ thống quản lý CTRCN-CTNH) đa phần do doanh nghiệp tự thực hiện. Điều này dẫn đến việc CTRCN-CTNH đi vào môi trường thông qua các con đường khác nhau, gây ô nhiễm môi trường và là nguy cơ tiềm ẩn ảnh hưởng bất lợi đến sức khỏe cộng đồng trong tương lai. Bên cạnh đó, việc không phân loại và tồn trữ không hợp lý CTRCN-CTNH còn gây lãng phí nguồn tài nguyên và thiệt hại cho chính CSSX khi nhiều loại chất thải có giá trị sử dụng bị thải bỏ.

Phân tích đánh giá hiện trạng phân loại - tồn trữ tại nguồn cũng như công tác thu gom và vận chuyển chất thải sẽ là cơ sở để xác định những hạn chế hiện tại và đề xuất các biện pháp hiệu quả hơn trong công tác quản lý CTRCN-CTNH trên